**UBND Xã: Lê Ninh** **Biểu số 115/CK TC - NSNN**

# ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

*Đơn vị: đồng*

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN | | | ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM) | | | SO SÁNH (%) | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | TỔNG SỐ | XDCB | TX | TỔNG SỐ | XDCB | TX | TỔNG SỐ | XDCB | TX |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 = 4/1 | 8 = 5/2 | 9 = 6/3 |
| | **TỔNG CHI** | **1117338000** | | **1117338000** | **1023922711** | | **1023922711** | **91.64** | | **91.64** |
| | Trong đó: | | | | | | | | | |
| 1 | Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội | 351204000 | | 351204000 | 67272279 | | 67272279 | 19.15 | | 19.15 |
| 2 | Chi giáo dục | 16507000 | | 16507000 | | | | | | |
| 3 | Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ | | | | | | | | | |
| 4 | Chi y tế | 16507000 | | 16507000 | | | | | | |
| 5 | Chi văn hóa, thông tin | 53648000 | | 53648000 | 23540000 | | 23540000 | 43.88 | | 43.88 |
| 6 | Chi phát thanh, truyền thanh | 24073000 | | 24073000 | | | | | | |
| 7 | Chi thể dục, thể thao | | | | | | | | | |
| 8 | Chi bảo vệ môi trường | 26824000 | | 26824000 | | | | | | |
| 9 | Chi các hoạt động kinh tế | 82193000 | | 82193000 | 2100000 | | 2100000 | 2.55 | | 2.55 |
| 10 | Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | | | | 826137432 | | 826137432 | | | |
| 11 | Chi cho công tác xã hội | 393410000 | | 393410000 | 104873000 | | 104873000 | 26.66 | | 26.66 |
| 12 | Chi khác | 50972000 | | 50972000 | | | | | | |
| 13 | Dự phòng | 102000000 | | 102000000 | | | | | | |
| 14 | Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau | | | | | | | | | |